

SỐ 310

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 1

Hán dịch: Đồi Đại Đường, Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chí.

Pháp hội 1: BA LUẬT NGHI (Phần 1)

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ Đức Phật ở núi Kỳ-xà-quật nơi thành Vương xá. Núi đó cao đẹp, cỏ cây hoa quả đều xanh tốt xum xuê. Chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Tỳ-xá-bà, Khẩn-na-la... thường ở nơi đó.

Trong núi lại có các loài như sư tử, cọp, sói, kỳ lân, voi, ngựa, gấu...

Núi này có đủ các loài như chim công, chim két, nhồng, sáo, le le, chim nhạn, chim uyên ương, chim cộng mạng...

Các loài chim muông trong núi nhờ oai thần của Phật nên tất cả đều không bị tham dục, sân, si làm náo hại, chẳng giết hại ăn thịt nhau, thương yêu nhau như tình mẫu tử.

Những cây mộc hương, cây am-ma-la, cây chân-thúc-ca, cây ni-câu-đà, cây chiêm-đàn, cây trầm thủy mộc rậm thành rừng.

Khắp núi đầy những hoa đẹp. Trên đất có những hoa như: a-đề-mục-đa, chiêm-bà, ba-tra, bà-su-ca, tô-mạn-na, do-đề-ca. Dưới nước có những hoa sen xanh, hoa sen đỏ, hoa sen vàng, hoa sen trắng, hoa ca-la-sa, hoa ma-ha ca-la-sa. Màu hoa hương hoa xen nhau làm cho núi Kỳ-xà-quật vừa đẹp, vừa thơm diệu kỳ.

Trên núi này, nửa đêm thường có mây bao phủ, vắng vắng tiếng sấm, lát phát mưa bay, nước tám loại công đức chảy thấm nhuần khắp núi. Trong chốc lát, mây mưa đều tan. Kế đó một cơn gió thoảng làm mát cả lòng người khiến thân tâm đều nhẹ nhàng thư thái.

Trong núi ấy, nơi ở của chúng sinh và các loại cây quý tươi sáng như vòng hoa đẹp, muôn màu muôn vẻ, nguồn nước trong vắt hơn nước suối nguồn, khiến màu sắc càng đẹp hơn gấp bội.

Trong núi này có loại cỏ dịu mềm đủ cả sắc lẫn hương, xanh mượt bóng láng như lông ức chim công, thơm như hoa bà-su-ca, chạm đến mịn nhuyễn như bông đầu-la. Do đó mặt đất mềm dịu, làm êm chân người đi không bao giờ đau rát. Khi dẫm lên cỏ lún xuống, khi gỡ chân lên cỏ trở lại như cũ như tấm thảm xanh mượt.

Trong núi có nhiều ao, hồ, suối chảy. Giữa nước trong mát đủ các loại hoa sen màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía, màu pha lê, màu vàng lửa... lớn như bánh xe mọc lên hương sen ngào ngạt khắp núi.

Đỉnh núi có tòa sen báu lớn tốt đẹp, kim cương xanh làm cọng, lưu ly làm tua, vàng diêm-phù-đàn làm cánh rộng lớn, chiêm-đàn làm gương, ngọc mã não làm nhụy. Tòa sen báu này to rộng mênh mông như biển lớn.

Mười ức A-tu-la vương thường cầm mười ức lưới báu ma-ni nhiều màu giăng che phía trên bảo tòa. Mười ức Long vương rưới mưa thơm. Mười ức Kim sí điều vương miệng ngâm giải lụa màu. Mười ức Khẩn-na-la vương chí thành chiêm ngưỡng. Mười ức Ma-hầu-la-già vương cung kính cúi nhìn. Mười ức Càn-thát-bà vương ca ngâm khen ngợi. Mười ức trăm ngàn đại Thiên đế bủa mây lành, rải các thứ hương bột, hương đốt, y phục, các thứ hoa, cùng tràng phan bảo cái. Mười ức Phạm vương cúi mình kính ngưỡng. Mười ức trời Tịnh cư chấp tay đánh lễ. Mười ức Chuyển luân vương mang theo bảy loại báu đến núi ấy. Mười ức Hải vương rời biển lớn đến kính lễ bảo tòa.

Tòa sen báu này lại có vô số châu báu như ý kết hợp trang nghiêm, mười ức bảo châu Quang minh ma-ni chiếu sáng, mười ức bảo châu Tịnh phước ma-ni xinh đẹp, mười ức bảo châu Biển chiếu ma-ni trong sạch, mười ức bảo châu Diệu quang ma-ni chói rỡ, mười ức bảo châu Tạp sắc ma-ni chiếu khắp, mười ức bảo châu Diêm phù tràng ma-ni vững vàng, mười ức bảo châu Kim cang sư tử ma-ni trang nghiêm, mười ức bảo châu Nhật tạng ma-ni rộng lớn, mười ức bảo châu Bát tư nghì ma-ni ánh đủ màu, mười ức bảo châu Như ý trang nghiêm vô tận.

Bảo tòa liên hoa này từ nơi căn lành vô thượng của Đức Như Lai, là chỗ mà chí ý của Bồ-tát ái mộ khắp hiện các nơi.

Bảo tòa này cũng từ pháp như huyễn mà có, cũng từ nghiệp lành, từ pháp tánh vô tránh, pháp tánh như mộng mà có. Pháp vô hành dùng để ẩn. Thuận với lý vô trước, nên cùng khắp mười phương tất cả pháp giới. Do công đức thuận với cảnh giới Phật mà tạo nên.

Giả sử trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp cũng không thể ca ngợi hết sắc tướng xinh đẹp và công đức trang nghiêm của tòa sen báu này được.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ngồi kết già trên bảo tòa ấy. Bên bảo tòa có tám ngàn vị đại Tỳ-kheo đều hội họp như Tôn giả Kiều-trần-như, Tôn giả A-tháp-bà, Tôn giả Ma-sử-ba và các Tôn giả Ma-ha-nam, Ưu-đà-di, Gia-xá, Phú-na, Vô Cấu, Thiện Tỷ, Kiều-phạm-ba-đề, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Già-da Ca-diếp, Na-đề Ca-diếp, Ma-ha Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, A-na-luật, Tu-bồ-đề, Ly-bà-đa, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, Ưu-ba-ly, La-hầu-la, Nan-đà..., các vị Tỳ-kheo hàng đầu này đều đã giác ngộ để lý tự tánh, hiện chứng thật tế, nhập bản tánh pháp, ra khỏi biển ba cõi. Các vị đi trong hạnh hư không của Như Lai, đều dứt hẳn phiền não, đều trụ nơi vô trụ, thực hành pháp không tịch tĩnh, dứt hết nghi hoặc đối với Đức Như Lai. Các vị đã vào trong biển trí tuệ của Phật, là bạn đem lại lợi ích cho thế gian. Các vị luôn hộ vệ tất cả chúng sinh, làm bạn đi sát theo họ. Các vị đã thông đạt cảnh giới Phật pháp. Các vị thệ nguyện hộ trì chánh pháp của chư Phật, hiện tiền được sinh chủng tánh Như Lai có thể hướng đến Nhất thiết chủng trí.

Lại có tám ngàn vị Đại Bồ-tát đều hội họp. Đứng đầu là các vị: Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Tối Thượng Trí Trí, Bồ-tát Tối Thượng Bảo Trí, Bồ-tát Nhất Thiết Ngũ Ngôn Trí, Bồ-tát Vô Trước Trí, Bồ-tát Hoa Thượng Trí, Bồ-tát Nhật Thượng Trí, Bồ-tát Nguyệt Thượng Trí, Bồ-tát Vô Cấu Thượng Trí, Bồ-tát Kim Cang Trí, Bồ-tát Viễn Trần Trí, Bồ-tát Quang Tràng, Bồ-tát Diệu Cao Tràng, Bồ-tát Bảo Tràng, Bồ-tát Vô Ngại Tràng, Bồ-tát Hoa Tràng, Bồ-tát Tịnh Tràng, Bồ-tát Nhật Tràng, Bồ-tát Đoan Nghiêm Tràng, Bồ-tát Ly Cấu Tràng, Bồ-tát Biển Chiếu Tràng, Bồ-tát Đà-la-ni Oai Đức, Bồ-tát Bảo Oai Đức, Bồ-tát Đại Oai Đức, Bồ-tát Kim Cang Trí Oai Đức, Bồ-tát Vô Cấu Oai Đức, Bồ-tát Nhật Oai Đức, Bồ-tát Nguyệt Oai Đức, Bồ-tát Phước Sơn Oai Đức, Bồ-tát Trí Chiếu Oai Đức, Bồ-tát Phổ Thắng Oai Đức, Bồ-tát Địa Tạng, Bồ-tát Hư Không Tạng, Bồ-tát Liên Hoa Tạng, Bồ-tát Bảo Tạng, Bồ-tát Nhật Tạng, Bồ-tát Thanh Tịnh Công Đức Tạng, Bồ-tát Pháp Hải Tạng, Bồ-tát

Biển Chiêu Tạng, Bò-tát Tề Tạng, Bò-tát Thắng Liên Hoa Tạng, Bò-tát Nhật Nhãn, Bò-tát Tịnh Nhãn, Bò-tát Vô Cấu Nhãn, Bò-tát Vô Ngại Nhãn, Bò-tát Phổ Minh Nhãn, Bò-tát Thiện Lợi Trí Nhãn, Bò-tát Kim Cang Nhãn, Bò-tát Bảo Nhãn, Bò-tát Hư Không Nhãn, Bò-tát Phổ Nhãn, Bò-tát Thiên Quan, Bò-tát Chiêu Pháp Giới Ma-ni Quan, Bò-tát Diệu Bò-đề Ma-ni Quang, Bò-tát Chiêu Thập Phương Quan, Bò-tát Xuất Hiện Nhất Thiết Phật Tạng Quan, Bò-tát Siêu Nhất Thiết Thế gian Quan, Bò-tát Phổ Chiêu Quan, Bò-tát Vô Ánh Tề Quan, Bò-tát Cháp Trì Như Lai Sư Tử Tòa Quan, Bò-tát Phổ Chiêu Pháp Giới Hư Không Quan, Bò-tát Phạm Vương Kế, Bò-tát Long Vương Kế, Bò-tát Nhất Thiết Phật Biến Hóa Ảnh Tượng Kế, Bò-tát Diệu Bò-đề Kế, Bò-tát Nhất Thiết Nguyên Hải Âm Thanh Ma-ni Vương Kế, Bò-tát Phóng Nhất Thiết Như Lai Viên Quang Ma-ni Bảo Lôi Thanh Kế, Bò-tát Nhất Thiết Hư Không Vô Sai Biệt Biểu Thị Ma-ni Bảo Võng Phú Kế, Bò-tát Nhất Thiết Như Lai Pháp Luân Thanh Kế, Bò-tát Nhất Thiết Tam Thế Danh Luân Thanh Kế, Bò-tát Đại Quang, Bò-tát Vô Cấu Quang, Bò-tát Bảo Quang, Bò-tát Ly Trần Quang, Bò-tát Pháp Quang, Bò-tát Tịch Tĩnh Quang, Bò-tát Nhật Quang, Bò-tát Thần Biến Quang, Bò-tát Thiên Quang, Bò-tát Phước Quang, Bò-tát Trí Quang, Bò-tát Pháp Quang Minh, Bò-tát Thần Thông Quang, Bò-tát Quang Chiêu, Bò-tát Hoa Quang, Bò-tát Giác Quang Minh, Bò-tát Phạm Quang, Bò-tát Phổ Chiêu Quang, Bò-tát Phạm Âm, Bò-tát Hải Âm, Bò-tát Địa Hống Âm, Bò-tát Thế Gian Vương Âm, Bò-tát Sơn Vương Âm, Bò-tát Sơn Vương Tướng Kích Âm, Bò-tát Biến Pháp Giới Âm, Bò-tát Nhất Thiết Pháp Hải Lôi Âm, Bò-tát Tồi Phục Chư Ma Âm, Bò-tát Đại Bi Lý Thú Vân Lôi Âm, Bò-tát Biến Túc Nhất Thiết Thế Gian Khổ Nảo Âm, Bò-tát Pháp Thắng Dũng, Bò-tát Thù Thắng Dũng, Bò-tát Trí Thắng Dũng, Bò-tát Phước Tu-di Thắng Dũng, Bò-tát Công Đức Tồi Thắng Dũng, Bò-tát Danh Văn Thắng Dũng, Bò-tát Phổ Quang Thắng Dũng, Bò-tát Đại Từ Thắng Dũng, Bò-tát Trí Chiêu Thắng Dũng, Bò-tát Như Lai Chủng tánh Thắng Dũng, Bò-tát Quang Đức, Bò-tát Thắng Đức, Bò-tát Pháp Dũng Đức, Bò-tát Biến Chiêu Đức, Bò-tát Pháp Đức, Bò-tát Nguyệt Đức, Bò-tát Hư Không Đức, Bò-tát Bảo Đức, Bò-tát Thật Đức, Bò-tát Quang Đức, Bò-tát Trí Đức, Bò-tát Bà-la-đế Vương, Bò-tát Pháp Đế Vương, Bò-tát Tượng Đế Vương, Bò-tát Phạm Đế Vương, Bò-tát Sơn Đế Vương, Bò-tát Chúng Đế Vương, Bò-tát Thiên Đế Vương, Bò-tát Tịch Tĩnh Đế Vương, Bò-tát Bất Động Đế Vương, Bò-tát Tồi Thắng Đế Vương, Bò-tát Bò-đề Tịch Tĩnh Thanh, Bò-tát Vô Trước Thanh, Bò-tát Địa Thanh, Bò-tát Đại Hải Thanh, Bò-tát Âm Thanh, Bò-tát Chiêu Pháp Thanh, Bò-tát Hư Không Thanh, Bò-tát Nhất Thiết Thanh, Bò-tát Thiện Căn Lôi Thanh, Bò-tát Phát Ngộ Bản Nguyên Thanh, Bò-tát Tồi Nhất Thiết Ma Quân Thanh, Bò-tát Trí Tu-di Giác, Bò-tát Hư Không Giác, Bò-tát Thanh Tịnh Giác, Bò-tát Vô Ngại Giác, Bò-tát Khai Ngộ Giác, Bò-tát Chiêu Tam Thế Giác, Bò-tát Bảo Giác, Bò-tát Quảng Đại Giác, Bò-tát Phổ Quang Giác, Bò-tát Pháp Giới Lý Thú Chiêu Giác, ... Các vị Đại Bò-tát này đều an trụ hạnh nguyện Phổ Hiền, chỗ làm không trụ trước, vì biến khắp tất cả cõi Phật. Các vị biến hiện vô biên thân, vì gần gũi tất cả chư Phật. Các vị duyên cảnh giới thanh tịnh vô hạn, vì rõ biết tất cả thân biến của chư Phật. Các vị đến đi vô lượng, vì không ngớt qua đến chỗ chư Phật hiện thành Chánh đẳng giác. Các vị có ánh sáng lớn vô biên, vì trong biển thật tướng của tất cả pháp được trí ánh sáng vô biên. Các vị nói vô tận công đức trong vô biên kiếp, vì biện tài thanh tịnh. Các vị đồng hư không, vì trí sở hành cảnh thanh tịnh. Các vị không tựa nương chỗ nào, vì tùy ý lạc thế gian mà hiện sắc thân. Các vị xa lìa được sự ràng buộc che lấp, vì rõ biết không có chúng sinh giới. Các vị trí tuệ như hư không, vì phóng lưới quang minh khắp pháp giới. Các vị rốt ráo tịch tĩnh, vì tâm rất tịch tĩnh. Các vị trụ cảnh giới tánh trí tất cả Tổng trì. Các vị dũng mãnh vô úy nơi chánh định. Các vị mắt thấy suốt ngàn mé pháp giới. Các vị trụ vô sở đắc đối với tất cả pháp, dạo đi nơi

biển trí vô biên, đã qua đến bờ trí tuệ Bát-nhã ba-la-mật-đa, đến Ba-la-mật-đa của tất cả thế gian, được tự tại nơi chánh định Ba-la-mật-đa.

Lại có năm trăm vị Tỳ-kheo-ni cùng hội họp Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề, Tỳ-kheo-ni Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni An Ôn, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la Hoa, Tỳ-kheo-ni Dũ-cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni Gia-du-đà-la... làm thượng thủ.

Lại có năm trăm vị Ưu-bà-tắc đều hội họp, hàng thượng thủ là các Ưu-bà-tắc: Thiện Oai Đức, Tuệ Quang, Thiên Oai Đức, Danh Xưng Oai Đức, Siêu Danh Xưng Oai Đức, Thiện Tuệ, Nguyệt Đức, Nguyệt Hoan Hỷ, Đại Hoan Hỷ, La Hầu Hiền, Đại Hiền...

Lại có năm trăm vị Ưu-bà-di đến hội, dẫn đầu là các vị Ưu-bà-di Đại Quang, Thiện Quang, Thiện Thân, Khả Lạc Thân, Hiền Đức, Nguyệt Quang, Quang Minh, Thắng Quang, Thiện Nhãn...

Và có vô lượng Trời, Rồng, tám bộ chúng cung kính hầu quanh Đức Phật.

Đức Phật vì đại chúng mà nói ba luật nghi, luật tạng của tất cả Như Lai, hiện bày công hạnh của tất cả Bồ-tát, chiếu rõ pháp giới đi vào các pháp môn, có thể trang nghiêm tất cả cõi Phật, dẹp các tà luận, hàng phục ma oán, làm cho chúng sinh vui mừng, chỉ bày tâm loạn trước của hữu tình, tùy theo ý chúng sinh mà tuyên thuyết, khai thị soi chiếu các của chúng sinh khiến họ được tỏ ngộ.

Lúc đó Tôn giả Đại Ca-diếp đứng dậy để hở vai áo bên phải, quỳ chấp tay bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu chúng sinh muốn cầu được mười Trí lực, bốn Vô sở úy của Phật, thì phải thọ trì và tu hành pháp gì? Thọ trì pháp gì để được tăng trưởng thành tựu đạo hạnh của Như Lai? Thọ trì pháp gì để được viên mãn công đức chứng Vô thượng Chánh giác?

Đức Phật bảo Đại Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Này Ca-diếp! Ông nay vì muốn làm an ổn, lợi ích cho thế gian trời và người nên mới có thể hỏi Phật việc như vậy. Ông lắng nghe kỹ và khéo suy nghĩ ghi nhớ. Ta sẽ vì ông mà phân biệt nói rõ.

Tôn giả Đại Ca-diếp và đại chúng vâng lời dạy lắng nghe. Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Này Đại Ca-diếp! Nếu chúng sinh muốn cầu được Trí lực, Vô sở úy của Phật, những chúng sinh này, thật ra không có chút pháp gì để được, cũng không chỗ nương tựa để gieo căn lành.

Này Đại Ca-diếp! Lúc Bồ-tát cầu Vô thượng Chánh giác, nếu có chỗ được đều là chấp trước. Nếu chấp trước là chấp lấy hữu vi ngoài Phật pháp, ngoài hữu vi chấp lấy vô vi. Như thế là đối với Phật pháp sinh sự chấp trước mà cho là giải thoát. Lúc chấp lấy giải thoát thì nắm cứng lấy Phật pháp chẳng bỏ rời. Nên biết người như vậy chẳng gọi là hướng đến đạo Vô thượng. Vì sao? Vì người này ở trong Phật pháp chấp có ngã mà chuyên cần tu tập, đó là vì luôn tương ưng với ngã chấp mà không lìa bỏ được, cũng chính là năng phân biệt và sở phân biệt. Do năng phân biệt và sở phân biệt đó mà bị nó làm hại. Khi đã bị nó làm hại thì rong ruổi chạy theo sự phân biệt. Nếu theo sự phân biệt để duyên cảnh thì có lưu chuyển; đã có lưu chuyển thì có quán xuyên; đã có quán xuyên thì có vọng tưởng; có vọng tưởng thì có phân biệt, do phân biệt càng thêm vọng tưởng; đã thêm vọng tưởng thì nhiều chấp trước mà lìa xa tịch tĩnh; đã lìa tịch tĩnh thì chạy theo cảnh duyên; đã chạy theo cảnh duyên thì có rong ruổi loạn động; đã có rong ruổi loạn động thì có mất mát hư hoại. Thế nào là mất mát hư hoại? Đó là mất sự an ổn. Thế nào là an ổn? Đó là vô phân biệt. Đã mất sự an ổn thì thường vào cảnh duyên; đã thường vào cảnh duyên thì hay thân cận; đã thân cận thì có phiền não; đã có phiền não thì có tương tục, có thêm lớn tương tục, có cùng khắp tương tục. Do đây lời nói tất cuồng loạn, tất sai lầm, liền có ưu não, có hối hận. Đã có hối hận thì nương tựa vô minh mà

bị ưu não làm tổn hại. Nhưng thật ra trong đây không có chút pháp gì có thể nương tựa được. Dù vậy, do từ vọng tưởng sinh lưu trú mà bị vọng tưởng ràng buộc. Do sự ràng buộc này mà vọng tưởng tương tục, do đây nên gọi là vọng tưởng ràng buộc không có chân thật. Tất cả chỗ tham, sân, si đều hư vọng, là thêm phân biệt, là phân biệt khắp, là thêm chấp trước, là chấp trước khắp. Do đó không thể sớm được Vô thượng Bồ-đề.

Này Ca-diếp! Như trên đây gọi là ái xứ. Thế nào gọi là ái xứ? Không có pháp nhất định gọi đó là ái, gọi là ái giả, gọi là ái xứ sở. Tuy nhiên có ái chỉ do chấp trước quá bền chắc. Khi gọi là chấp trước quá bền chắc thì là hư không ái. Nếu hư không ái sinh chấp trước thì người đó sẽ sinh ái chấp trước, là ngã ái chấp trước, là chúng sinh ái chấp trước, là thiện bất thiện ái chấp trước.

Này Ca-diếp! Người như vậy, đối với tất cả pháp không mà phân biệt là chẳng phải không, đối với chẳng phải vật mà tưởng là vật. Thế nào là vật? Vật nói đây chính là Bồ-đề. Nếu cho Bồ-đề là vật, người đó do ngã tưởng mà có hữu ngã tưởng thì chẳng phải Bồ-tát. Sự chấp trong kia cũng là chẳng thể nắm bắt được, đây gọi là ngã chấp không chân thật, chỉ có danh từ ngã mà thôi.

Nếu có thể viên mãn hữu tình thì viên mãn Bồ-đề. Thế nào gọi là viên mãn Bồ-đề? Chính là như huyễn. Thế nào gọi là như huyễn? Như huyễn đây là nói đại ngã, đại mạng. Nếu đem tưởng nương nơi tưởng, thì khác nào chẳng phải tưởng nương nơi chẳng phải tưởng. Nếu đem chẳng phải tưởng nương với chẳng phải tưởng thì như cuồng, như say. Nếu cuồng say là đem khổ chạy theo khổ. Nếu đem khổ chạy theo khổ thì chư Phật nói đó đều là kẻ ở trong vòng cuồng ngôn rảo chạy. Vì sao gọi là kẻ cuồng ngôn rảo chạy? Vì kẻ này nhiều tác ý. Đã nhiều tác ý thì có công cao. Đã có công cao thì có ngôn thuyết. Đã có ngôn thuyết thì càng thêm ngôn thuyết. Vì thêm nhiều ngôn thuyết, nên Phật gọi là kẻ ngôn thuyết, kẻ giáo thọ, kẻ thọ trì. Do đây nên các pháp đều từ tác ý mà được sinh trưởng.

Này Đại Ca-diếp! Như trong hư không có mây nhóm giăng, mây này chẳng từ mười phương đến. Biết rõ mây nhóm như vậy chẳng phải từ mười phương, Đức Như Lai nói đúng sự thật, nói đúng nghĩa, nói đúng lý. Vì nói đúng lý chân thật, nên Đức Như Lai gọi là Đấng Thật Ngữ.

Này Đại Ca-diếp! Nói mây nhóm, chính là chẳng phải nhóm mà gọi là mây nhóm. Do đâu gọi là mây nhóm? Vì mây kia mỗi loại đều kết thành tướng trạng riêng biệt. Thế nào gọi là mỗi loại đều kết thành tướng trạng riêng biệt? Các loại tướng trạng ấy đều do sự mê làm thấy là rộng lớn, thật ra trong đó không có tướng nhỏ, tướng lớn thật. Ông nhìn xem mây nhóm thành tướng rộng lớn kia, chính là chẳng phải tướng. Đã chẳng phải tướng thì chẳng thật có mây nhóm.

Này Đại Ca-diếp! Như có kẻ bảo người khác rằng: “Nên cùng nhau qua chỗ râm mát mà ngồi.” Người trí bảo: “Tôi chẳng qua ngồi.” Kẻ kia nói: “Nay tôi chẳng nói như vậy, tôi chỉ nói là bóng râm mát.” Người trí lại bảo: “Anh nói râm mát chính nơi đó chẳng phải râm mát.”

Này Đại Ca-diếp! Ông xem người trí kia thuận theo thế tục mà còn có thể tỏ ngộ như vậy.

Này Đại Ca-diếp! Đức Như Lai đúng như thật biết rõ lý tánh chân thật của các pháp, rồi ở trong đại chúng tự tại tuyên thuyết.

Này Đại Ca-diếp! Đức Như Lai thích ở trong pháp tùy thuận mà trụ nơi chẳng tùy thuận. Nơi ngã chấp của chúng sinh, ở Như Lai là Đệ nhất nghĩa. Vì sao? Vì nay Đức Như Lai đã biết rõ ngã chấp kia, biết rõ sự chấp của chúng sinh là chẳng phải chấp. Đây là lời bí mật tôi

thắng của Đức Phật.

Hoặc có kẻ ngu sinh lòng ngang trái tranh cãi với Đức Như Lai, do đây Phật nói thế gian tranh cãi với Phật, Phật chẳng bao giờ tranh cãi với thế gian. Thế nào là thế gian? Chính là chúng sinh. Tại sao chúng sinh gọi là thế gian? Đức Như Lai biết rõ thế gian như vậy nên gọi chúng sinh là thế gian. Như kẻ ngu kia chỗ hiểu biết sai lầm, bị sự biết sai này làm tổn hại. Những kẻ này thường tin và ở mãi trong thế gian, theo mãi nơi thế tục, đây gọi là vô minh. Vì sao? Vì họ ở trong sự tối tăm lớn nên gọi là ở thế gian; Nếu ở thế gian thì có tham; nếu đã có tham thì có sân; nếu đã có sân thì có si; nếu đã có si thì là bất tịnh; đã bất tịnh thì trái ngược. Trái ngược với ai? Trái với Như Lai và hàng Thanh văn. Đã trái ngược thì chống trả; đã chống trả thì thêm trái ngược. Thêm trái ngược thì thích hữu lậu; đã thích hữu lậu thì tâm mong cầu. Đã mong cầu hữu lậu thì mong cầu khắp; đã mong cầu khắp thì chẳng biết đủ; đã chẳng biết đủ thì nhiều gây tạo; đã nhiều gây tạo thì nhiều tham dục; đã nhiều tham dục thì kẻ đó chìm ngập trong ba cõi; đã tự chìm ngập trong ba cõi thì làm cho người khác cũng chìm ngập; đã làm người khác chìm ngập thì họ theo dòng và cũng trôi theo dòng; nếu theo dòng và trôi theo dòng thì thẳng đến chỗ chết; nếu thẳng đến chỗ chết thì chẳng đến được Niết-bàn; đã chẳng đến Niết-bàn thì đến chỗ lỗi quấy; đã đến chỗ lỗi quấy thì thẳng đến địa ngục.

Này Đại Ca-diếp! Do tương ưng với pháp chẳng lành như vậy nên tâm trở thành giận hờn độc hại và chẳng biết che đậy. Chẳng che đậy đây là nói chẳng quán ngã chấp. Vì chẳng quán sát nên chấp làm một hợp tướng, do đây không thể tiêu diệt được ngã và ngã sở.

Thế nào gọi là ngã chấp? Vì chấp trước chẳng đúng thật, ở nơi các thứ vọng tưởng tạo những nghiệp thế gian. Nơi đây họ chấp ngã tướng cho là ngã.

Thế nào là ngã sở? Chính do tham dục gọi là ngã sở. Do các cảnh dục hòa hợp với thân mà có tâm tham. Đã có tâm tham thì hư hoại giới tự. Do đây sinh tâm chẳng lành đối với sở hữu của người khác. Do giận hờn mà khinh khi hủy báng lẫn nhau. Thân lấy tài vật làm sở hữu của mình rồi ôm ấp giữ gìn, chính đây gọi là ngã sở.

Người có ngã sở thì có lưu chuyển; đã có lưu chuyển thì có mê lầm;. đã có mê lầm thì có phi báng; đã có phi báng thì có giận hờn; đã có giận hờn thì có giết hại; đã có hại nhau thì bị sự hại này đốt cháy; đã bị đốt cháy thì có khắp đốt cháy. Những lỗi trên đây đều do lòng tham dục nơi sở hữu, như nam nữ tương, mạng tương, nên gọi là ngã sở.

Do những nghĩa trên đây nên nói ngã sở thì đã là mắng nhiếc thân mình. Tất cả kẻ ngu đều lấy chấp ngã làm pháp của mình, cho nên gọi đó là ngã sở.

Này Đại Ca-diếp! Nếu có chúng sinh chẳng nghe pháp này mà nói Bò-đề và Bò-tát hạnh tức là phi hạnh. Nên biết Bò-tát hạnh thật không có chỗ thực hành mới chính là Bò-tát hạnh.

Này Đại Ca-diếp! Nếu Bò-tát công hạnh viên mãn không kém, không thiếu, thanh tịnh, rất thanh tịnh, khắp thanh tịnh, thì có thể tuyên thuyết Đại pháp này, gọi là bậc có thể lực, bậc dũng mãnh tinh tấn. Chỗ thuyết pháp của Bò-tát này đồng với hư không, chẳng chứa đựng, chẳng trệ ngại.

Người làm đúng lý, người có công đức, người khéo tu hành, trọn chẳng bao giờ làm điều phi lý, không công đức, chẳng tu hành.

Các ông phải thọ trì pháp này. Ở trong pháp này chớ sinh lòng chấp trước. Vì sao? Vì pháp của Như Lai nói là đệ nhất. Vì là bậc căn tánh tối thượng thừa hỏi, nên ta đem Thắng pháp mà giải thuyết. Thế nào là Thắng pháp? Chính là không pháp chấp.

Này Đại Ca-diếp! Bò-tát như vậy hộ trì đầy đủ tịnh giới ban đầu, tâm chẳng cống cao, chẳng tạo nghiệp vô gián, chẳng phạm Tỳ-kheo-ni, chẳng gần gũi thế tục, không sát sinh, không

trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không nói lời thêu dệt, không nói hai lưỡi, không nói lời ác và lìa bỏ tham dục, sân hận, tà kiến. Bồ-tát này chẳng tự nã hại cũng chẳng nã hại người khác, chẳng chung cùng với cảnh dục cũng chẳng thọ dục, chẳng bài bạc cũng chẳng bảo người. Bồ-tát này trọn chẳng gần gũi kẻ hai căn, chẳng đến nhà dâm nữ, đàn bà góa, chỗ có người nữ, chẳng gần gũi vợ người cũng chẳng gần gũi kẻ lưới chim bắt cá, kẻ săn bắn và Chiên-đà-la, chẳng đấu tranh và chẳng nắm tay người uống rượu. Bồ-tát lìa xa những việc trên đây như tránh chó điên cùng kẻ sát nhân. Do có lòng Từ nên đối với tất cả chỗ xa lìa trên, Bồ-tát không bao giờ sinh một niệm ác.

Có hai mươi chỗ Bồ-tát phải xa lìa. Hai mươi chỗ đó là gì?

1. Đó là Bồ-tát xa lìa người nữ cũng chẳng cùng họ đùa cợt nói thô nói tục, chẳng cùng họ luận bàn cãi cọ.

2. Đối với cha mẹ và Tam-bảo, Bồ-tát tránh lỗi chẳng cung kính.

3. Chẳng thuyết pháp cho nhóm người nữ dưới số hai mươi, trừ khi có người nam.

4. Hoàn toàn chẳng đến hội thuyết pháp của chúng Tỳ-kheo-ni, cũng chẳng nên thăm hỏi các Tỳ-kheo-ni.

5. Chẳng viết thư từ cho người nữ.

6. Nếu vì người khác đem thư cho người nữ thì phải giao cho người chồng chớ trao cho vợ.

7. Thân tộc có mời riêng đều chẳng nhận không luận lúc nào.

8. Chẳng bao giờ có dục tâm ở trước người nữ dầu trong giây lát.

9. Lại cũng chẳng nên rời chỗ ở của mình đến chỗ khuất chuyện vãn với người nữ.

10. Chẳng cùng Tỳ-kheo-ni đi chung đường.

11. Chẳng lãnh y phục của Tỳ-kheo-ni bố thí, trừ lúc vì bốn chúng thuyết pháp.

12. Lúc được thí y, nên có quan niệm như mặt đất hứng chịu đồ vật rồi sau sẽ lãnh lấy y phục, chẳng nên nhìn riêng mặt của người bố thí.

13. Nếu nghe có Tỳ-kheo-ni khuyên người thí y phục thì chẳng nên nhận.

14. Nếu Tỳ-kheo-ni mời ăn uống, dù có bệnh cũng chẳng nhận hưởng là lúc không bệnh.

15. Nếu có đàn bà góa đến mời ăn, Tăng số chẳng đủ thì cũng chẳng thọ.

16. Cũng chẳng nên vào trong chúng Tỳ-kheo-ni.

17. Chẳng nên kêu Tỳ-kheo-ni đến.

18. Nếu Tỳ-kheo-ni đến kêu Bồ-tát, thì phải vòng tay ngược đầu quay lưng lại bỏ đi.

19. Lúc Bồ-tát thuyết pháp, nếu có Tỳ-kheo-ni đến đánh lễ dưới chân, thì chớ động chân, mắt nên nhìn ngay hai bàn tay.

20. Bồ-tát chẳng nên chỉ nơi thân tu tập tinh tấn, mà tâm cũng phải siêng cần chánh niệm. Đối với tất cả cảnh duyên chớ sinh lòng tham, sân. Nên phát thệ nguyện vững chắc để cầu nhất thiết chủng trí. Khi được nghe pháp này rồi phải có lòng tin và nên siêng tu học.

Này Đại Ca-diếp! Nếu có thiện nam hay thiện nữ muốn hướng đến Bồ-tát thừa, vừa nghe được pháp này nếu không có lòng tin thiết thực sâu chắc, thì hoàn toàn chẳng thể được Vô thượng Chánh giác. Vì sao? Vì do tu học mới chứng được quả Bồ-đề, chẳng phải không tu học mà có thể chứng được. Nếu không tu tập mà chứng được Bồ-đề, thì những loại mèo, thỏ... lẽ ra cũng được chứng. Tại sao? Phải có chánh hạnh mới chứng được Bồ-đề. Nếu không chánh hạnh mà vẫn được Bồ-đề, thì ngôn thuyết tiếng tăm lẽ ra cũng chứng được Bồ-đề. Ngôn thuyết ấy như vậy: “Ta sẽ là Phật! Ta sẽ là Phật!” Do lời nói ấy vô biên chúng sinh sẽ thành Chánh giác.

Này Đại Ca-diếp! Chúng sinh nào tu học được hạnh này thì đáng gọi là hy hữu. Bởi vì

chuyên chú nhất tâm trong một ngày đêm còn không thể được, huống là suốt một kiếp cho đến ngàn kiếp, vì thế Đức Như Lai xuất hiện ra đời là việc rất khó. Giả sử tất cả chúng sinh trong đại thiên thế giới đồng vì một chúng sinh trải qua trăm ngàn kiếp mà bảo rằng: Người nên làm Phật! Người phải làm Phật! Rồi đồng vây quanh lên tiếng xướng rằng: “Sẽ được thành Phật! Sẽ được thành Phật!” Bảo và xướng luôn như vậy không xen hở vẫn không thể nên được tâm Bồ-đề ban đầu, huống là có thể chứng quả vị Giác ngộ. Trong thời kỳ mạt pháp, sau khi ta diệt độ, các ông cũng đã nhập Niết-bàn, chư Thiên lại chẳng tin, chẳng hộ trợ, lúc đó có nhiều chúng sinh nghe công đức của Phật mà phát tâm Bồ-đề. Hoặc có hàng Tỳ-kheo dù đã phát tâm Bồ-đề nhưng vẫn phạm hai mươi lỗi trên.

Này Đại Ca-diếp! Như hiện nay hàng đa văn Tỳ-kheo ở chỗ tịch tĩnh, hoặc ở xóm làng, siêng tu chánh pháp, thì đời mạt pháp sau này các Tỳ-kheo ở chỗ tịch tĩnh, hoặc ở xóm làng trái lại phạm lỗi cùng các Tỳ-kheo-ni hội họp luận bàn vấn đáp pháp nghĩa. Các Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni này phần nhiều sinh nhiễm tâm, ít có người sinh pháp tâm.

Này Đại Ca-diếp! Ông quan sát hạng người đó được tên Bồ-tát mà sa vào chỗ rất nguy hiểm thẳng đến ác thú.

Trong thời kỳ mạt pháp đó, ban đầu họ vì pháp duyên mà gần gũi nhau, do thường thấy nhau nên lừa dục nhen nhúm trong lòng, động nơi môi miệng để nêu bày niệ m dục. Ban đầu họ gần nhau như đệ tử cung kính A-xà-lê. Từ đó về sau họ sai người hỏi han thăm viếng rồi lần lần hẹn gặp nhau ngoài đường ngoài ngõ, kể đến trong chùa đứng xa liếc ngó nhau. Trong lúc ra vào họ hỏi thăm nhau, kết làm anh em, chị em. Vì họ thường gặp nhau nên sinh nhiễm tâm, đã có nhiễm tâm nên cùng nhau làm sự ô uế. Đã làm sự ô uế nên dùng danh từ chẳng phải phạm hạnh để kêu gọi nhau. Do đây họ thoái thất tâm Bồ-đề, mất quả lành, xa Niết-bàn, bỏ Phật, trái Pháp, chán Tăng. Những người này ở chỗ khuất sinh những niệ m tương tham dục, sân hận, não hại. Những người này không có thắng nghiệp của Bồ-tát và bốn hạnh thanh tịnh.

Như hiện nay, các Bồ-tát chuyên cần tu phạm hạnh, trái lại, đời mạt pháp sau này phần nhiều sinh lòng tham dục, sân khuyển, não hại, trụ trong chủng loại ác hạnh, tặc hạnh, kiêu hạnh.

Này Đại Ca-diếp! Ông quan sát đời vị lai những người phá hủy cấm giới nghe kinh này liền sinh lòng phi báng. Nếu có người đã trụ nơi giới để hành bố thí, sinh hoan hỷ phát tâm Bồ-đề, lúc sau nghe kinh này trở lại sinh lòng hủy báng.

Này Đại Ca-diếp! Ông quan sát tướng mạo đó ở đời vị lai và nhớ thật kỹ. Nếu có người nghe kinh này mà sinh lòng hủy báng, có người trí ở trong chúng tu hành tịnh giới, thọ trì chánh pháp biết Tỳ-kheo ấy chẳng thực hành đúng pháp như trong kinh này đã nói, phải liền lánh xa. Vì hạng Tỳ-kheo này không có lòng mến ưa và kính trọng chánh pháp.

